



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 295 /TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 11 năm 2024

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Định An - Sông Hậu, đoạn từ phao
báo hiệu hàng hải số “21” đến rạch Gòi Lớn

TVH – 47 – 2024

Vùng biển: Tỉnh Trà Vinh, tỉnh An Giang.

Tên luồng: Luồng hàng hải Định An - Sông Hậu.

Đoạn luồng: Từ phao báo hiệu hàng hải số “21” đến rạch Gòi Lớn.

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu từ SH_2410_09 đến SH_2410_47, tỷ lệ 1/5000 đo đạc hoàn thành tháng 11/2024, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp.

Thừa uỷ quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Định An - Sông Hậu, đoạn từ phao báo hiệu hàng hải số “21” đến rạch Gòi Lớn như sau:

Trong phạm vi luồng hàng hải được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ”:

1. Đoạn từ phao BHHH số “21” đến phao BHHH số “85” có chiều dài khoảng 79,7 km, bề rộng luồng 200 m:

- Đoạn từ phao BHHH số “21” đến phao BHHH số “32” + 1400 m, có chiều dài khoảng 4,4 km, độ sâu đạt 3,2 m nằm sát biên phải luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 4,6 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “32” + 1400 m đến phao BHHH số “34” – 340 m có chiều dài khoảng 1,7 km, độ sâu đạt 5,0 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “34” – 340 m đến phao BHHH số “44”, có chiều dài khoảng 12,2 km, độ sâu đạt 6,0 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “44” đến phao BHHH số “62” – 500 m, có chiều dài khoảng 22,0 km, độ sâu đạt 8,0 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “62” – 500 m đến phao BHHH số “62” + 1000 m, có chiều dài khoảng 1,7 km, độ sâu đạt 5,1 m nằm sát biên phải luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 6,4 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “62” + 1000 m đến phao BHHH số “70” – 400 m, có chiều dài khoảng 8,3 km, độ sâu đạt 8,3 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “70” – 400 m đến phao BHHH số “74” + 1150 m, có chiều dài khoảng 6,4 km, độ sâu đạt 9,9 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “74” + 1150 m đến phao BHHH số “76” + 1000 m, có chiều dài khoảng 2,3 km, độ sâu đạt 8,2 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “76” + 1000 m đến Bến cảng Cái Cui, có chiều dài khoảng 9,1 km, độ sâu đạt 11,1 m.

- Đoạn từ Bến cảng Cái Cui đến phao BHHH số “86”, có chiều dài khoảng 2,0 km, độ sâu đạt 9,3 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “86” đến phao BHHH số “85”, có chiều dài khoảng 9,6 km, độ sâu đạt 11,6 m.

2. Đoạn từ phao BHHH số “85” đến khu vực Bến cảng Hoàng Diệu, bề rộng luồng 200 m, trong đó gồm hai nhánh luồng được phân chia bởi Cồn Sơn như sau:

a) Đoạn luồng nhánh chính tại phía phải Cồn Sơn, có chiều dài khoảng 6,3 km, độ sâu đạt 9,7 m.

b) Đoạn luồng nhánh tại phía trái Cồn Sơn, có chiều dài khoảng 6,7 km, tuyến luồng tận dụng độ sâu tự nhiên có tọa độ tìm tuyến xác định theo bảng sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
T10	10 ⁰ 04’14,3” N	105 ⁰ 46’43,7” E	10 ⁰ 04’10,7” N	105 ⁰ 46’50,2” E
1	10 ⁰ 04’42,3” N	105 ⁰ 45’08,3” E	10 ⁰ 04’38,7” N	105 ⁰ 45’14,8” E
2	10 ⁰ 04’42,3” N	105 ⁰ 45’08,3” E	10 ⁰ 04’38,7” N	105 ⁰ 45’14,8” E
3	10 ⁰ 04’49,2” N	105 ⁰ 44’52,9” E	10 ⁰ 04’45,6” N	105 ⁰ 44’59,3” E
4	10 ⁰ 05’06,7” N	105 ⁰ 44’26,7” E	10 ⁰ 05’03,1” N	105 ⁰ 44’33,1” E
5	10 ⁰ 05’37,0” N	105 ⁰ 44’04,8” E	10 ⁰ 05’33,3” N	105 ⁰ 44’11,3” E
TP12	10 ⁰ 06’06,9” N	105 ⁰ 43’52,4” E	10 ⁰ 06’03,3” N	105 ⁰ 43’58,9” E

Độ sâu đạt 5,3 m.

3. Đoạn từ khu vực Bến cảng Hoàng Diệu đến Vàm Ô Môn có chiều dài 11,6 km, bề rộng luồng 100 m, độ sâu đạt 11,0 m.

4. Đoạn từ Vàm Ô Môn – Vàm Cái Sắn – Rạch Gòi Lớn có chiều dài 51,66 km, trong đó gồm 02 nhánh luồng được phân chia bởi Cù lao Tân Lộc như sau:

- Đoạn luồng nhánh chính phía phải cù lao Tân Lộc (từ khu vực Vàm Ô Môn đến hết vũng quay tàu tại khu vực Rạch Gòi Lớn – khu vực cặp phao BHHH số “133” và “130”) có chiều dài 32,81 km, bề rộng luồng 200 m, riêng đoạn qua cầu Vàm Cống (với chiều dài khoảng 2,0 km), bề rộng luồng 100 m, độ sâu đạt 7,8 m.

- Đoạn luồng nhánh tại phía trái Cù lao Tân Lộc (từ khu vực cặp phao số “111” và số “108” đến khu vực phao số “125” và số “122” cách cầu Vàm Cống khoảng 1,7 km về phía thượng lưu) có chiều dài 18,85 km, bề rộng luồng 60 m, độ sâu đạt 4,1 m.

5. Khu vực vũng quay tàu được giới hạn bởi đường tròn đường kính D = 300 m, tâm VQ tại vị trí có tọa độ:

Tâm vũng quay	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

VQ	10 ⁰ 21'46,6" N	105 ⁰ 27'43,4" E	10 ⁰ 21'43,0" N	105 ⁰ 27'49,8" E
----	----------------------------	-----------------------------	----------------------------	-----------------------------

Độ sâu đạt 8,2 m.

Lưu ý: Xuất hiện đáy cá di động tại các khu vực: Phao BHHH số “61”, “92”, “97”.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Tàu thuyền hành hải trên tuyến luồng hàng hải Định An - Sông Hậu, đoạn từ phao BHHH số “21” đến rạch Gòi Lớn căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống BHHH dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Lưu ý các đáy cá di động nêu trên và tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ, Cảng vụ Hàng hải An Giang. / . *Amu*

Nơi nhận:

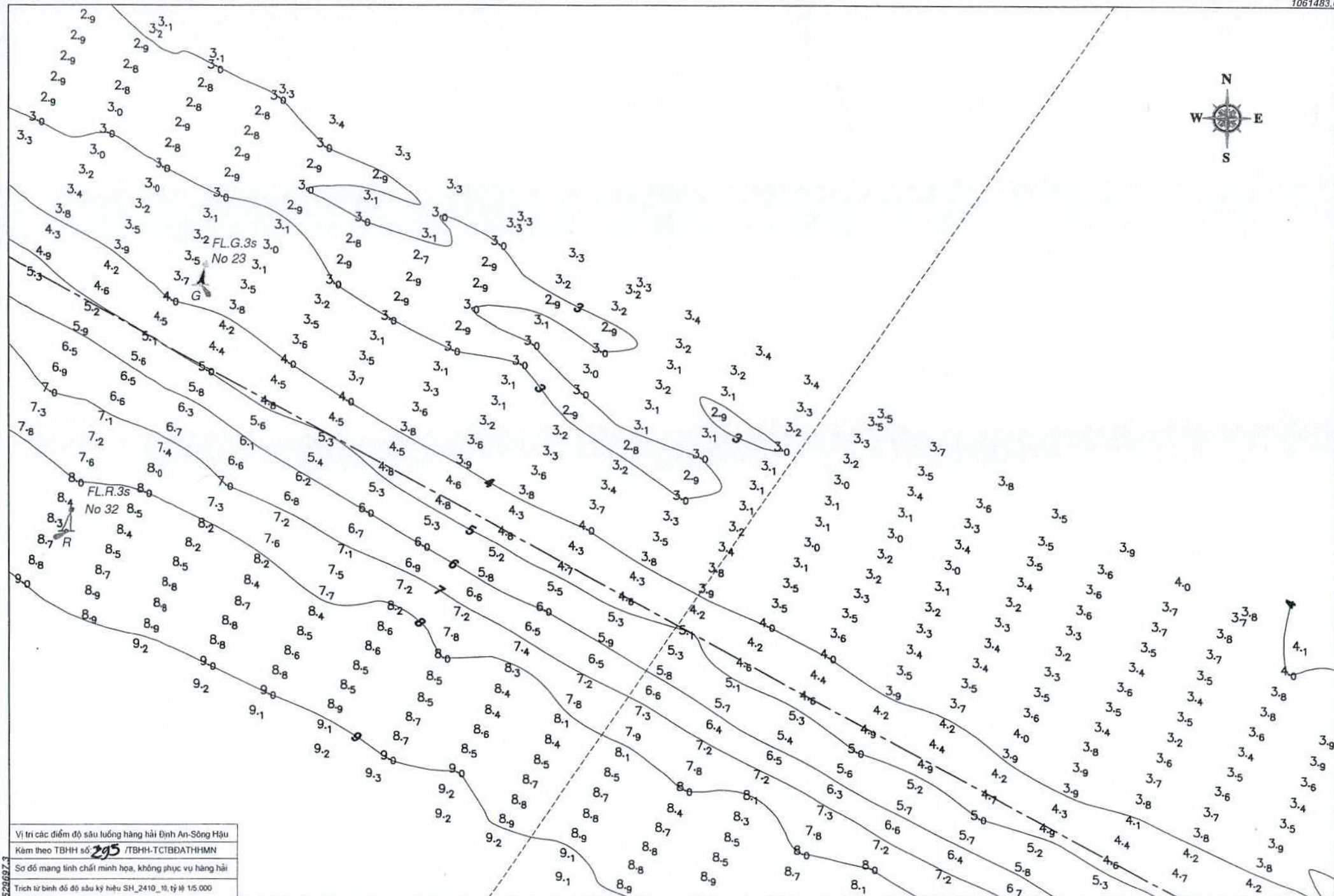
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;
- Cảng vụ Hàng hải An Giang;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải miền nam;
- CN Cty TNHH MTV HTHH miền Nam – Hoa tiêu V;
- Cty TNHH Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT;
- Lưu: VT-VP, P.ATHHBảng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Tuấn Anh

- | | |
|--|--|
| <ol style="list-style-type: none"> 1 Bộ Tư lệnh Hải quân 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam <ul style="list-style-type: none"> - Liên danh Việt – Nga Vietsovetpetro (VSP) - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP) - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans) - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping) - Trung tâm Ứng phó Sự cố tràn dầu khu vực miền Nam 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) <ul style="list-style-type: none"> - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO) - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container) - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC) - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE) - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang - Cty Vận tải Biển Bắc 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn) 11 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển | <ol style="list-style-type: none"> 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip) 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP 16 Trường Đại học GTVT TP.HCM 17 Trường Cao đẳng hàng hải II 18 Cty CP Cảng Sài Gòn 19 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh 20 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh 21 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng 22 Sở GTVT và Sở NN&PTNT các tỉnh <ul style="list-style-type: none"> - Trà Vinh - Cần Thơ - Hậu Giang - An Giang 23 Bộ đội Biên phòng các tỉnh <ul style="list-style-type: none"> - Trà Vinh - Cần Thơ - Hậu Giang - An Giang 24 Đài thông tin Duyên hải Cần Thơ 25 Đài thông tin Duyên hải Trà Vinh 26 Phòng CSGT đường thủy tỉnh Trà Vinh 27 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ 28 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam 29 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam |
|--|--|



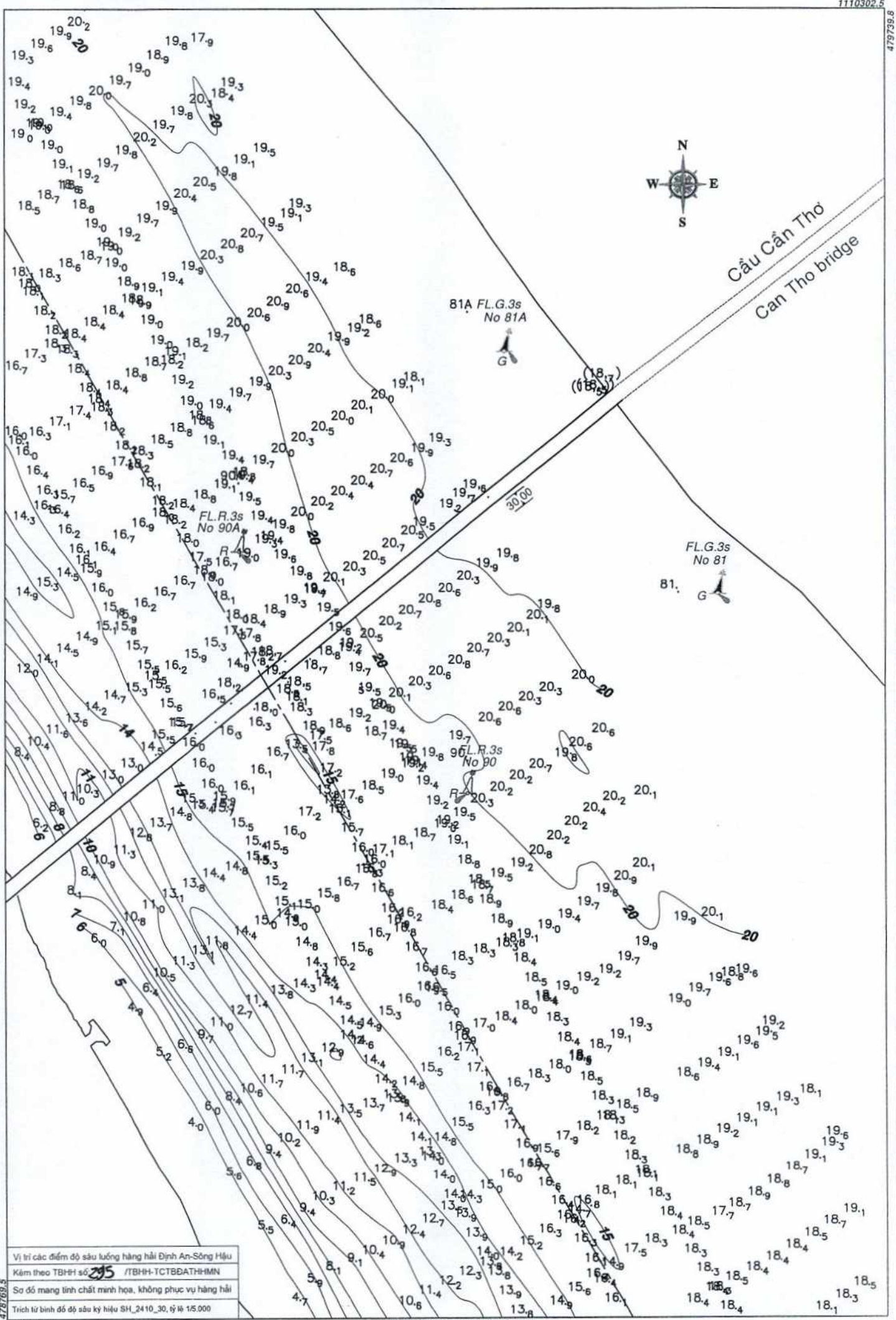
Vị trí các điểm độ sâu luồng hàng hải Định An-Sông Hậu

Kèm theo TBHH số 295 /TBHH-TCTBDATHHVN

Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải

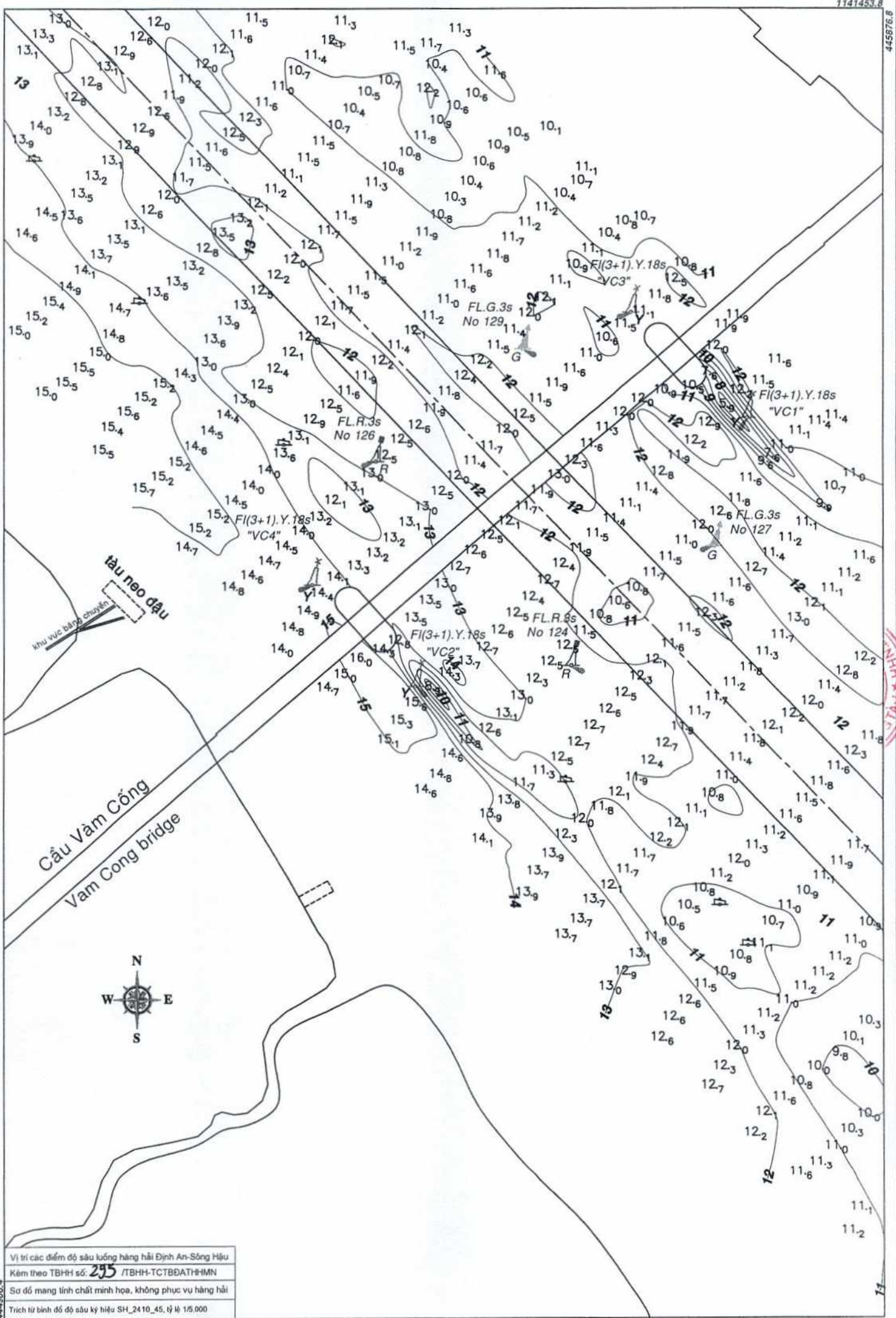
Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu SH_2410_10, tỷ lệ 1/5.000

1060513.2



Vị trí các điểm đo sâu lòng hàng hải Định An-Sông Hậu
 Kèm theo TBHr số 295 /TBHr-TCTBĐATHHMIN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trích từ bình đồ độ sâu kỹ thuật SH_2410_30, tỷ lệ 1:5.000

ĐẠM
HÀ
VĂN



Vị trí các điểm đo sâu luồng hàng hải Định An-Sông Hậu
 Kèm theo TBHH số: **295** /TBHH-TCTĐATHHVN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trích từ bình đồ độ sâu kỹ hiệu SH_2410_45, tỷ lệ 1/5.000
1139992.5